

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 15-4-2025
Về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: bà Huỳnh Thị Hồng Vân
ông Đinh Tiên Phương

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Tho - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 07/2025/TLPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 95/2024/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Trần Thị Tuyết T, sinh năm: 1988; địa chỉ: A ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* ông Đoàn Quốc D, sinh năm: 1987; địa chỉ: số G Ô, Ấp C, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* bị đơn, ông Đoàn Quốc D.

(Bà Trần Thị Tuyết T và ông Đoàn Quốc D có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết T trình bày:

Bà và ông Đoàn Quốc D tự tìm hiểu, sau đó tổ chức lễ cưới năm 2016 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã M, huyện T, tỉnh Long An vào ngày 06/02/2017.

Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng bà sống chung với gia đình ông D. Từ khi bà sinh con đầu lòng vào tháng 11/2017 cho đến khi sinh con thứ 2 vào tháng 8/2019, thì về sống với cha mẹ ruột để ông bà ngoại hỗ trợ chăm sóc các cháu, do ông bà nội xác định không thể hỗ trợ chăm nom, nếu bà muốn đưa các con về ở bên nội thì phải tự thuê người chăm nom các con. Ông D thì nghe lời cha mẹ, nên mâu thuẫn vợ chồng bà ngày càng nhiều hơn không thể hàn gắn được. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với ông D.

Bà và ông D có 02 con chung tên là Đoàn Mỹ K sinh ngày 30/11/2017 và Đoàn Bá L sinh ngày 21/8/2019, hiện hai con đang ở với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Bà và ông D không có tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn, ông Đoàn Quốc D trình bày: ông thống nhất trình bày của bà T về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống, các con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông cũng đồng ý ly hôn với bà T. Tuy nhiên, khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con là Đoàn Bá L, giao con là Đoàn Mỹ K cho bà T nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 95/2024/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã xử (tóm tắt):

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết T đối với ông Đoàn Quốc D.

Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Tuyết T được ly hôn với ông Đoàn Quốc D.

Về con chung: giao bà Trần Thị Tuyết T trực tiếp nuôi 02 con chung là Đoàn Mỹ K sinh ngày 30/11/2017 và Đoàn Bá L sinh ngày 21/8/2019, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ của bên không trực tiếp nuôi con, bên trực tiếp nuôi con, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/01/2025, bị đơn ông Đoàn Quốc D kháng cáo yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con là Đoàn Bá L.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Đoàn Quốc D trình bày: ông là kỹ sư, tiền lương 11.000.000 đồng mỗi tháng, không phải nuôi cha mẹ, công việc của ông ít tăng ca, bản thân ông biết nấu ăn nên sẽ chăm sóc cho con tốt hơn bà T. Hơn nữa, cha mẹ của ông cũng

đồng ý hỗ trợ ông chăm sóc con. Bà T có mức lương khoảng hơn 9 triệu đồng mỗi tháng, nếu nuôi cả 02 con thì mỗi người chỉ có 3 triệu đồng/tháng, sẽ không đảm bảo đời sống vật chất cho con khi con mỗi ngày một lớn, mức chi tiêu sẽ cao. Cha mẹ vợ của ông lớn tuổi (61 tuổi), chị vợ thì bị tâm thần nhẹ, 01 đầu lương của bà T sẽ không đủ chi tiêu cho 05 người. Ông cũng muốn nuôi cả hai con, nhưng do cháu Kim M ở với bà T nên ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Cho đến hiện nay, mỗi tháng ông đều có chuyển khoản cho bà T từ 3-4 triệu đồng để phụ nuôi con. Nếu Tòa vẫn giao 02 con cho bà T nuôi, thì ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị Tuyết T trình bày: cha mẹ ruột của bà làm ruộng, có sức khỏe tốt hơn cha mẹ chồng của bà, bà nội của các cháu mỗi ngày đều phải uống thuốc. Mặc dù chị ruột của bà có bệnh tâm thần nhẹ, dạng hơi khờ, nhưng chị của bà đã học hết lớp 6, tự chăm sóc bản thân được, mỗi tháng, chị của bà được nhà nước hỗ trợ 750.000 đồng và còn nhận gia công kết cườm, bóc vỏ lụa hạt điều, đủ điều kiện để tự nuôi sống bản thân và trong thời gian qua còn hỗ trợ bà chăm sóc 02 con. Bà vẫn tạo điều kiện để ông D đưa đón con về bên nội chơi mỗi kỳ nghỉ hè, dịp lễ, Tết. Bà không đồng ý tách hai con ra để bà và ông D mỗi người nuôi 01 con khi bà và ông D ly hôn, vì việc chia rẽ hai con sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của con, gây thiệt thòi cho cháu L khi thiếu tình thương của mẹ, của chị hằng ngày. Nếu ông D cho rằng mức lương của bà không đủ để nuôi con, thì bà yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của ông Đoàn Quốc D đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông D cũng đồng ý ly hôn với bà T. Ông D chỉ kháng cáo về quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy, từ khi cháu L được 04 tháng tuổi cho đến nay, thì cháu L và cháu K đều sinh sống cùng bà T tại gia đình bên ngoại, được ông bà ngoại hỗ trợ chăm sóc và các cháu được học tập, phát triển khỏe mạnh. Hai cháu đã thiệt thòi khi cha mẹ ly hôn và để ổn định tâm lý, môi trường sống, môi trường học tập của các cháu, cần giữ ổn định như từ trước đến nay, không tách hai con giao cho cha mẹ mỗi người trực tiếp chăm sóc một con như kháng cáo của ông D, mà cần thiết giao cho bà T trực tiếp nuôi hai con chung là phù hợp.

Tại phiên tòa ông D tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nên cần ghi nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm về cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Quốc D thực hiện đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Đoàn Quốc D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông D và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung khi ly hôn. Trong khi đó, ông D yêu cầu được nuôi 01 con là Đoàn Bá L. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là “tranh chấp về ly hôn” là chưa đủ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cần xác định quan hệ tranh chấp là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: ông Đoàn Quốc D kháng cáo yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi 01 con chung khi ly hôn với bà Trần Thị Tuyết T. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần nội dung này của bản án sơ thẩm.

[4] Về việc áp dụng pháp luật về nội dung: theo giấy chứng nhận kết hôn (bút lục số 24) và sự thống nhất xác định của các đương sự, thì quan hệ hôn nhân của ông D và bà T được xác lập vào ngày 06/02/2017. Do đó, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật có liên quan được áp dụng khi giải quyết vụ án.

[5] Xét kháng cáo của ông Đoàn Quốc D về quyền nuôi con:

[5.1] Ông D và bà T xác định các con chung của hai đương sự tên là Đoàn Mỹ K sinh ngày 30/11/2017 và Đoàn Bá L sinh ngày 21/8/2019.

[5.2] Xét điều kiện kinh tế của hai đương sự: ông D và bà T đều có việc làm, có thu nhập ổn định gần tương đương nhau, nên đảm bảo có khả năng về kinh tế để nuôi dưỡng các con.

[5.3] Xét điều kiện trông nom, chăm sóc con chung: hồ sơ vụ án thể hiện và tại phiên tòa phúc thẩm, ông D đã thừa nhận rằng, từ khi cháu K được sinh ra và cháu L được 04 tháng tuổi cho đến nay, thì cả hai cháu đều sống cùng bà T tại nhà cha mẹ ruột của bà T, đăng ký cư trú cùng hộ gia đình ông Trần Văn K1 – là ông ngoại của các cháu, cha ruột của bà T (bút lục số 19); hiện nay, cháu K đang học lớp 2 tại Trường Tiểu học B, còn cháu L đang học lớp Lá 1 tại Trường B, cùng thuộc địa bàn xã B, huyện T, tỉnh Long An; cháu K mong muốn được tiếp tục sống với mẹ là bà Trần Thị Tuyết T (bút lục số 34). Trong suốt thời gian bà T nuôi dưỡng các con từ khi cháu K, cháu L sinh ra cho đến nay, thì các cháu phát triển khỏe mạnh.

[5.4] Từ đoạn [5.2] và [5.3], Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chung, từ đó giao các con chung cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn với ông D, là bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, đồng thời, bảo đảm ổn định tâm lý và tình cảm của các con, hoàn toàn có căn cứ theo quy

định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 6 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của ông D yêu cầu trực tiếp nuôi 01 con khi ly hôn với bà T.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định của pháp luật. Đây là sự tự nguyện của ông D ở cấp phúc thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình, thì “... *Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con.*” Căn cứ theo khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định số 74/2024/NĐ-CP30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và Mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP huyện T, tỉnh Long An thuộc vùng 2, tương ứng với mức lương tối thiểu tháng là 4.410.000 đồng/tháng. Do đó, ông D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.205.000 đồng/01 con, tổng mức cấp dưỡng nuôi 02 con là 4.410.000 đồng/tháng.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện, trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, bà T và ông D đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn, chỉ còn tranh chấp về quyền nuôi con chung (bút lục số 35). Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, là không đúng quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và khoản 3 Điều 11 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Ngoài ra, ông D còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên cần sửa án phí sơ thẩm.

[9] Về án phí phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông D phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Quốc D về quyền trực tiếp nuôi con khi ly hôn.

3. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 95/2024/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An về người có quyền trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn:

3.1. Bà Trần Thị Tuyết T được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung tên là Đoàn Mỹ K sinh ngày 30/11/2017 và Đoàn Bá L sinh ngày 21/8/2019.

3.2. Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn:

3.2.1. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3.2.2. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc chăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 95/2024/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An về cấp dưỡng nuôi con và án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Về việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: ghi nhận sự tự nguyện của ông Đoàn Quốc D cấp dưỡng nuôi 02 con chung là Đoàn Mỹ K sinh ngày 30/11/2017 và Đoàn Bá L sinh ngày 21/8/2019, theo mức cấp dưỡng cho mỗi người con mỗi tháng là 2.205.000đ (hai triệu hai trăm lẻ năm ngàn đồng). Thời hạn cấp dưỡng: kể từ tháng 4 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

4.2. Buộc bà Trần Thị Tuyết T phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0009140 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Hoàn trả cho bà Trần Thị Tuyết T 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí còn thừa.

4.3. Buộc ông Đoàn Quốc D phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: buộc ông Đoàn Quốc D phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0009435 ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Ông D đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

6. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Phần bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Về hướng dẫn thi hành án: trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thực